

Bản án số: 71/2019/DS - PT

Ngày: 25/6/2019

V/v “*Tranh chấp thừa kế tài sản và
yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền
sử dụng đất*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tào

Các Thẩm phán: Ông Trương Công Thi

Ông Nguyễn Thanh Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Hoàng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Thái Văn Đoàn, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 102/2019/TLPT-DS ngày 23/01/2019 về “*Tranh chấp thừa kế tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 36/2018/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 545/2019/QĐ-PT ngày 03 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:**

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1936; Vắng.
2. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1937; Có mặt.
3. Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1946; vắng.
4. Ông Nguyễn Anh D, sinh năm 1948; Có mặt.

Cùng cư trú tại: Xóm B2, thôn A2, xã B1, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N, bà A, ông P, ông D: Bà Hoàng

Thị T, sinh năm 1950, cư trú tại: Thôn 4, xóm L3, xã B3, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (Văn bản ủy quyền ngày 14/12/2017 và các ngày 11, 15/10/2018). Có mặt.

*** Bị đơn:**

1. Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1944;

Cư trú tại: Xóm N1, thôn A2, xã B1, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Hồ Ngọc P1**, sinh năm 1966, địa chỉ: 127/9 đường N5, thành phố Q1, tỉnh Quảng Ngãi, (Văn bản ủy quyền ngày 05/11/2018) và anh **Nguyễn Minh T1**, sinh năm 1981, cư trú tại: Xóm B2, thôn A2, xã B1, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, (Văn bản ủy quyền ngày 06/01/2018 và ngày 08/10/2018). Có mặt.

2. Chị **Nguyễn Thị T2**, sinh năm 1978;

Cư trú tại: Thôn Đ4, xã N6, huyện T7, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Hồ Ngọc P1**, sinh năm 1966, địa chỉ: 127/9 đường N5, thành phố Q1, tỉnh Quảng Ngãi, (Văn bản ủy quyền ngày 07/11/2018). Có mặt.

3. Anh **Nguyễn Minh T1**, sinh năm 1981;

Cư trú tại: Xóm B2, thôn A2, xã B1, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Hồ Ngọc P1**, sinh năm 1966, địa chỉ: 127/9 đường N5, thành phố Q1, tỉnh Quảng Ngãi, (Văn bản ủy quyền ngày 05/11/2018). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn - anh Nguyễn Minh T1: Luật sư **Nguyễn Tấn L** - Luật sư của chi nhánh Văn phòng luật sư Q, Có mặt.

Luật sư **Trần Văn N1** - Luật sư của chi nhánh Văn phòng luật sư Q, Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị **Nguyễn Thị Bích L1**, sinh năm 1967; Cư trú tại: số 277 đường T8, phường H1, quận L4, thành phố Hải Phòng. Vắng.

2. Chị **Nguyễn Thị Kim L2**, sinh năm 1969; Cư trú tại: phường Đ5, quận H2, thành phố Hải Phòng. Vắng.

3. Anh **Nguyễn Tiến P2**, sinh năm 1976; Cư trú tại: phường H1, quận L4, thành phố Hải Phòng. Vắng.

4. Anh **Nguyễn Tấn Đ**, sinh năm 1969; Cư trú tại: thôn A2 Bắc, xã B1, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng.

5. Chị **Nguyễn Thị Thanh T3**, sinh năm 1984; Cư trú tại: Xóm B2, thôn A2, xã B1, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng.

6. Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Địa chỉ: số 395 đường

Phạm Văn Đồng, thị trấn Châu Ô, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Đỗ Thiết K** - Chức vụ: Chủ tịch. Vắng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn – bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Minh T1, chị Nguyễn Thị T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Các nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn là bà Hoàng Thị T trình bày:*

Vợ chồng cụ Nguyễn Đ1 (chết năm 1989) và cụ Nguyễn Thị T4 (chết năm 1971) sinh được 07 người con: Ông Nguyễn Xuân T5, ông Nguyễn A1, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị Đ2, ông Nguyễn Ánh D, bà Nguyễn Thị A.

Ông Nguyễn Xuân T5 (chết năm 1995) có vợ là bà Lương Thị T6 (chết năm 2015), ông T5 và bà T6 sinh được 03 người con là: Chị Nguyễn Thị Bích L1, chị Nguyễn Thị Kim L2, anh Nguyễn Tiến P2.

Ông Nguyễn A1 (chết năm 2009) có vợ là bà Nguyễn Thị H, ông A1 và bà H sinh được 02 người con là: Chị Nguyễn Thị T2 và anh Nguyễn Minh T1. Ngoài ra ông A1 còn có một con riêng là anh Nguyễn Tấn Đ.

Bà Nguyễn Thị Đ2 (chết năm 2014) không có chồng, con.

Vợ chồng cụ Nguyễn Đ1 và cụ Nguyễn Thị T4 chết không để lại di chúc. Tài sản cụ Nguyễn Đ1 và cụ Nguyễn Thị T4 để lại cho các con gồm có:

- Thừa đất số 245, tờ bản đồ số 28, diện tích 530 m² tại thôn A2, xã B1, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Thừa đất số 19, tờ bản đồ số 27, diện tích 2.606 m² tại thôn A2, xã B1, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Thừa đất C, Gò N, Gò K, C1, diện tích 2.009m² (nay là 1/2 thửa đất số 44, tờ bản đồ số 73 đo vẽ năm 2007, tại thôn A2, xã B1, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi).

- Thừa đất số 32, tờ bản đồ số 82, diện tích 3.241 m² tại thôn A2, xã B1, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Trước năm 1975, cụ Đ1, cụ T4 làm nhà sinh sống tại thửa đất số 245. Sau năm 1975, cụ Đ1 chuyển nhà về sinh sống tại thửa đất số 19. Lúc này cụ T4 đã chết, nên cụ Đ1 sống cùng các con là: Nguyễn Xuân T5, Nguyễn A1, Nguyễn Văn P, Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị Đ2. Năm 1978, ông A1 có vợ nên làm nhà ra ở riêng tại xóm N1, thôn A2, xã B1, huyện B. Năm 1989, cụ Đ1 chết, nên ông

T5, ông P, bà A, bà Đ2 tiếp tục quản lý, sử dụng 04 thửa đất là: thửa đất số 245, tờ bản đồ số 28; thửa đất số 36, tờ bản đồ số 8 đo vẽ theo Chỉ thị 299/TTg (sau đó tách ra thành nhiều thửa, trong đó có thửa đất số 19, tờ bản đồ số 27); thửa đất C, Gò N, Gò K, C1 (nay là 1/2 thửa đất số 44); thửa đất số 32, tờ bản đồ số 82, diện tích 3.241 m², tất cả đều tại thôn A2, xã B1, huyện B. Năm 2016, anh T1 nhận tiền bồi thường thửa đất số 32, tờ bản đồ số 82 trên 400.000.000 đồng.

Năm 1995, ông T5 chết, nên ông P, bà A, bà Đ2 tiếp tục quản lý, sử dụng nhà, đất và thờ cúng cha mẹ ông T5.

Năm 1997, ông P tách hộ khẩu, làm nhà ở riêng trên 500m² đất của thửa số 19, sát bên cạnh nhà của cụ Đ1; 500m² đất này ông P được cụ Đ1 cho khi cụ còn sống, trước sự chứng kiến của tất cả các con và một số người trong họ tộc.

Năm 1998, khi Nhà nước quy hoạch mở rộng cảng D, ông A1 về hỏi anh em trong nhà, cho ông trồng cây trên thửa đất số 19 để chờ Nhà nước quy hoạch giải tỏa đền bù. Ông P, bà A, bà Đ2 thấy hoàn cảnh ông A1 khó khăn nên đồng ý để ông A1 trồng cây trên thửa đất số 19, hai bên thỏa thuận miệng là nếu được Nhà nước đền bù tiền cây thì ông A1 nhận, còn đền bù đất thì ông P, bà A, bà Đ2 nhận. Việc ông P, bà A, bà Đ2 cho ông A1 mượn đất để trồng cây thì bà con trong họ tộc họ biết.

Đến năm 2000, xã B1 có chủ trương cho người dân đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông A1 không có sự đồng ý của các anh chị em nhưng lại tự ý đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 245 và thửa đất số 19 (riêng thửa đất số 19 được cấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), là:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P942078, số vào sổ 00924/QSDĐ1303/2000/QĐ-UB(H) do UBND huyện B cấp ngày 09/12/2000 đối với thửa đất số 245, tờ bản đồ số 28, diện tích 530 m² tại xóm N1, thôn A2, xã B1, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi cho hộ ông Nguyễn A1.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P942610, số vào sổ 00812/QSDĐ1303/2000/QĐ-UB(H) do UBND huyện B cấp ngày 09/12/2000 đối với thửa đất số 19, tờ bản đồ số 27, diện tích 1.820 m² tại xóm B2, thôn A2, xã B1, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi cho hộ ông Nguyễn A1.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P942079, số vào sổ 00923/QSDĐ1303/2000/QĐ-UB(H) do UBND huyện B cấp ngày 09/12/2000 đối với thửa đất số 19, tờ bản đồ số 27, diện tích 480 m² tại xóm B2, thôn A2, xã B1, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi cho hộ ông Nguyễn A1.

Việc ông Nguyễn A1 tự ý đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 245 và thửa đất số 19 đã xâm phạm đến quyền và lợi ích đến các đồng thừa kế khác của cụ Nguyễn Đ1, cụ Nguyễn Thị T4.

Năm 2002 Nhà nước thu hồi 1.000 m² đất thuộc thửa đất C, gò N, gò K C1, bồi thường được 1.300.000 đồng, số tiền này ông Nguyễn Đ3 nhận, vì ông Đ3 là anh con bác, sau đó ông Đ3 đã giao lại số tiền này cho bà A. Các anh, em thống nhất giao cho ông A1 200.000 đồng, số tiền còn lại, cộng số tiền góp thêm để tu sửa mộ cho cụ Đ1, cụ T4.

Ngày 28/02/2008, Tòa án nhân dân huyện B xét xử vụ án “Tranh chấp quyền sử dụng đất” tại bản án số 11/2008/DSST.

Ngày 28/8/2008, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm tại bản án số 80/2008/DSPT.

Ngày 21/12/2011, Tòa án nhân dân tối cao quyết định giám đốc thẩm, tuyên hủy bản án số 11/2008/DSST và bản án số 80/2008/DSPT, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện B xét xử lại.

Năm 2009 ông Nguyễn A1 chết, năm 2014 bà Nguyễn Thị Đ2 chết.

Ngày 06/11/2014 Tòa án nhân dân huyện B mời các con của cụ Đ1, cụ T4 và vợ con của ông Nguyễn A1 lên hòa giải. Tại buổi hòa giải, anh Nguyễn Minh T1 cam kết cùng gia đình thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của cụ Đ1, cụ T4. Do đó ngày 06/11/2014 các con của cụ Đ1, cụ T4 rút đơn khởi kiện. Sau đó, vợ con của ông A1 không thực hiện đúng như thỏa thuận.

Chính vì những lý do trên, các ông bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Ánh D yêu cầu:

* Hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P942078, số vào sổ 00924/QSDĐ1303/2000/QĐ-UB(H) do UBND huyện B cấp ngày 09/12/2000 đối với thửa đất số 245, tờ bản đồ số 28, diện tích 530 m² tại xóm N1, thôn A2, xã B1, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi cho hộ ông Nguyễn A1.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P942610, số vào sổ 00812/QSDĐ1303/2000/QĐ-UB(H) do UBND huyện B cấp ngày 09/12/2000 đối với thửa đất số 19, tờ bản đồ số 27, diện tích 1.820m² tại xóm B2, thôn A2, xã B1, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi cho hộ ông Nguyễn A1.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P942079, số vào sổ 00923/QSDĐ1303/2000/QĐ-UB(H) do UBND huyện B cấp ngày 09/12/2000

đối với thửa đất số 19, tờ bản đồ số 27, diện tích 480m² tại xóm B2, thôn A2, xã B1, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi cho hộ ông Nguyễn A1.

Chia thừa kế đối với các thửa đất sau:

Chia di sản thừa kế là thửa đất số 245, tờ bản đồ số 28, diện tích 530 m² tại xóm N1, thôn A2, xã B1, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi cho 07 đồng thừa kế, các ông, bà P, N, A, D, mỗi người được nhận 01 kỷ phần là 75,7 m² đất, riêng kỷ phần thừa kế của bà Nguyễn Thị Đ2 (chết) thì yêu cầu chia cho 04 nguyên đơn. Như vậy, diện tích đất các ông, bà P, N, A, D yêu cầu mỗi người được nhận là 94,6 m². Trên thửa đất có 01 cái giếng đào, 01 bụi tre, 02 cây mít là của cụ Đ1, các Nguyên đơn không yêu cầu chia giá trị cây, giếng đào.

Chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 19, tờ bản đồ số 27, diện tích 2.606 m² tại xóm B2, thôn A2, xã B1, huyện B cho 07 đồng thừa kế, gồm: bà N, bà A, ông P, ông D, các con ông Nguyễn Xuân T5, vợ con ông Nguyễn A1, bà Nguyễn Thị Đ2 (chết). Đối với kỷ phần của bà Nguyễn Thị Đ2 thì yêu cầu chia cho 04 đồng thừa kế là bà N, bà A, ông P, ông D. Hiện nay trên đất có cây Đào và cây Keo do ông Nguyễn A1 (chết) trồng, các nguyên đơn yêu cầu buộc bà H, chị T2, anh T1 chặt bỏ số cây này.

Chia thừa kế đối với thửa đất C, Gò N, Gò K, C1 tại thôn A2, xã B1, huyện B có diện tích 2.009 m² (Nay là 1/2 thửa đất số 44, tờ bản đồ số 73 đo vẽ năm 2007, tại xóm B2, thôn A2, xã B1, huyện B, cho 07 đồng thừa kế, là ông P, bà N, bà A, ông D, bà Đ2, ông A1, ông T5 mỗi người được nhận 01 kỷ phần là 287m² đất, riêng kỷ phần thừa kế của bà Nguyễn Thị Đ2 (chết), yêu cầu chia cho 04 nguyên đơn. Như vậy, diện tích đất các ông, bà P, N, A, D yêu cầu mỗi người được nhận là 358,75 m². Hiện nay trên đất có một số cây keo do anh T1 trồng, các ông, bà yêu cầu anh T1 phải đốn chặt.

Sau khi có kết quả đo đạc thì đất số 245 có diện tích thực tế là 489,2 m², thửa đất số 19 có diện tích thực tế là 2.651,8 m², thửa đất số 44 có diện tích thực tế là 1.954,1 m². Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo diện tích thực tế của 03 thửa đất.

Năm 2016, anh T1 đã nhận bồi thường thửa đất số 32, tờ bản đồ số 82 xã B1, các Nguyên đơn chưa yêu cầu chia di sản thừa kế, trường hợp các bị đơn có yêu cầu đối với phần diện tích đất cụ Đ1 cho ông D, bà N, bà Đ2 (đã được ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) thì các ông bà sẽ có yêu cầu.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị T2, anh Nguyễn Minh T1 và người đại diện theo ủy quyền là ông P1, ông T1 trình bày:*

Về quan hệ huyết thống đúng như bà T trình bày.

Thửa đất số 245, tờ bản đồ số 28, diện tích 530 m² tại thôn A2, xã B1, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi là của ông bà nội anh T1 là cụ Nguyễn Đ1, cụ Nguyễn Thị T4 để lại cho cha anh T1 là ông Nguyễn A1 quản lý, sử dụng. Trước năm 1975 gia đình cụ Nguyễn Đ1 sống trên thửa đất, nhưng sau đó nhà bị cháy do chiến tranh, đến năm 1975 thì cụ Nguyễn Đ1 và ông Nguyễn A1 có dựng một ngôi nhà tạm trên đất, đến năm 1976 ông Nguyễn A1 ra vùng Giếng đá (xóm B2) khai hoang và đến năm 1978 thì làm nhà sinh sống vùng Giếng đá (xóm B2) và cũng trong năm 1978 đón cụ Đ1 ra sống cùng, nên khi đó trên thửa đất 245 chỉ còn bà Nguyễn Thị A và bà Nguyễn Thị Đ2 sống, đến năm 1980 thì bà Nguyễn Thị A và bà Nguyễn Thị Đ2 ra một đám đất khác ở xóm B2 ở riêng nên thửa đất số 245 bỏ hoang, nên bà nội bảy Nguyễn Thị Cát (em ruột cụ Đ1, hiện nay chồng con cụ Cát đều đã chết) đến sống được khoảng 01-02 năm thì cụ Cát chết. Khi cụ Cát chết thì cụ Đ1 giao thửa đất 245 cho ông Nguyễn A1 quản lý, sử dụng. Việc cụ Đ1 giao thửa đất 245 cho ông Nguyễn A1 thì chỉ nói miệng, không có giấy tờ và các anh em trong nhà không biết. Ông Nguyễn A1 quản lý thửa đất đến năm 2000 thì được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn A1. Thửa đất này ông Nguyễn A1 có đăng ký kê khai theo Chỉ thị 299/TTg không thì anh T1 không biết,

Thửa đất số 36, tờ bản đồ số 8, diện tích 4.400 m² có nguồn gốc là đất của 04 người: cụ Tống Hữu (chết) 1500 m² đất, cụ Hữu có con trai là Tống Ngọc Hải, hiện đang cư trú tại xóm B2, thôn A2, xã B1, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, cụ Nguyễn Thị Can (chết) 1600m², cụ Can có con là ông Bùi Quang Phấn, hiện cư trú tại thôn Hải Thượng, xã Bình Hải, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, cụ Nguyễn Thị Cát 1.000 m² (em ruột cụ Đ1, hiện nay chồng con cụ Cát đều đã chết), cụ Đ1 800 m². Do chiến tranh nên những người này bỏ đất không sử dụng, nên ông Nguyễn A1 sử dụng trồng lang, bắp. Thửa đất này ông Nguyễn A1 đăng ký kê khai theo Chỉ thị 299/TTg.

Trên thửa đất này có 01 ngôi nhà do ông Nguyễn A1 xây dựng năm 1978, đến năm 2000 ông Nguyễn A1 sửa nhà, lợp ngói lại, hiện nay ngôi nhà đã hư hỏng, chỉ còn nền nhà.

Trên thửa đất số 36, tờ bản đồ số 8, vào năm 1998 - 1999 ông Nguyễn A1 có cho ông Nguyễn Văn P làm nhà ở trên thửa đất này, hiện nay nhà ông P cũng đã hư hỏng, sụp đổ chỉ còn khung gạch.

Trên thửa đất 36, diện tích 4.400 m² có nhà bà Nguyễn Thị N, nhà ông Nguyễn Ánh D, diện tích đất của bà N, ông D là của ông Nguyễn A1 cho làm

nhà năm 1987, năm 1998. Bà N, ông D đã được UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trên thửa đất số 36, diện tích 4.400 m² ông Nguyễn A1 có cắt cho bà Nguyễn Thị Đ2 một diện tích đất khoảng 730 m². Năm 1987, ông A1 phải đi bệnh viện điều trị bệnh, bà A tự ý lấy 600 – 700 m² đất để trồng rau. Ông A1 đi bệnh viện về có biết nhưng không khiếu nại, tranh chấp. Sau đó bà Đ2 kê khai nên đã được cấp giấy chứng nhận.

Nguyên thửa đất số 36, tờ bản đồ số 8, có diện tích 4.400 m², sau khi cho bà Đ2, ông D, bà N thì vào năm 2000 biến động thành hai thửa đất số 19, tờ bản đồ số 27, diện tích 2.300 m², đến năm 2001 đo đạc lại nên diện tích thửa đất số 19 tăng lên 2.879 m² trong đó bao gồm cả phần diện tích đất lúa gia đình anh T1 canh tác, nhưng trong bản đồ địa chính lại ghi do UBND xã B1 quản lý và thửa đất số 19, tờ bản đồ số 27, diện tích 480 m²; Hai thửa đất số thửa đất số 19, tờ bản đồ số 27 đều đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn A1.

Thửa đất C, Gò N, Gò K, C1 tại thôn A2, xã B1, huyện B có diện tích 2.009 m² theo bản đồ đo vẽ năm 2007 biến động thành thửa đất số 44, tờ bản đồ số 73, tại xóm B2, xã B1, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Ông Nguyễn A1 quản lý, sử dụng 2.009 m², còn 1/2 thửa đất 2.009 m² thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Nguyễn Đ3. Phần diện tích đất của ông Nguyễn A1 tại thửa đất này là do ông Nguyễn A1 khai hoang, còn của ông Đ3, thì do ông Đ3 khai hoang. Khi UBND xã B1 vẽ bản đồ đã nhập thửa đất của ông Nguyễn A1 vào thửa đất của ông Nguyễn Đ3. Thửa đất này ông Nguyễn A1 không đăng ký kê khai theo Chỉ thị 299/TTg.

Năm 2002, khi thu hồi một phần thửa đất làm nhà ở cho công nhân nhà máy lọc dầu Bình Sơn, nhà nước có bồi thường tiền; ông Nguyễn A1, ông Nguyễn Đ3, ông Nguyễn Hoàng kê khai chung, nhưng khi nhận tiền đền bù thì ông Nguyễn Đ3 nhận sau đó về đưa lại cho bà Nguyễn Thị A, sau khi nhận tiền đền bù từ ông Đ3, bà Nguyễn Thị A nói để tiền xây mộ cho ông bà nội, nên không cho ông Nguyễn A1 nhận lại tiền, số tiền đó đã được các nguyên đơn tu bổ lại mộ cho ông bà nội, hiện nay không còn.

Đối với thửa đất số 32, tờ bản đồ số 82, xã B1, năm 2016 anh T1 đã nhận tiền bồi thường của nhà nước.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T1 và ông P1 có ý kiến: Thửa đất số 245 các bị đơn thống nhất để làm của chung với Nguyên đơn, xây dựng nhà thờ cụ Đ1, cụ T4; thửa đất số 19, tờ bản đồ số 27 và thửa đất C1, gò N, gò K, C1 (nay là 1/2 thửa đất số 44, tờ bản đồ số 73) các bị đơn đề nghị Tòa án không chấp yêu cầu

khởi kiện của các nguyên đơn. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế các thửa đất 245, 19, 44 tại xã B1 cho nguyên đơn, thì bị đơn sẽ khởi kiện chia thừa kế các thửa đất hiện ông D, bà N, bà Đ2 đang sử dụng và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thanh T3 trình bày:* Trên thửa đất số 44, tờ bản đồ số 73, tại xóm B2, xã B1, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (trước đây là thửa đất C, gò N, gò K, C1 tại thôn A2, xã B1, huyện B có diện tích 2.009 m²) chị T3 và anh T1 có trồng Keo. Số cây keo này vợ chồng chị T3 trồng từ năm 2014.

Trên thửa đất số 245, diện tích 530 m² tại thôn A2, xã B1, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi và thửa đất số 19, tờ bản đồ số 27, diện tích 2.606 m² tại thôn A2, xã B1, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi không có tài sản, cây cối gì của vợ chồng chị.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Bích L1, chị Nguyễn Thị Kim L2, anh Nguyễn Tiến P2 có văn bản trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Bích L1, bà Nguyễn Thị Kim L2, ông Nguyễn Tiến P2 không biết nguồn gốc các thửa đất tranh chấp có phải của cụ Đ1, cụ T4 hay không, nên không yêu cầu chia và không yêu cầu được nhận di sản thừa kế của cụ Đ1, cụ T4.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Tấn Đ có văn bản trình bày:* Ông Đ là con của ông Nguyễn A1 và bà Nguyễn Thị Lãnh, ông Đ từ chối nhận di sản của cụ Đ1, cụ T4 và không yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn A1.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân thành huyện B trình bày:* Căn cứ Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 thì trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn A1 đối với các thửa đất số 19, tờ bản đồ số 27, diện tích 480 m²; thửa đất số 19, tờ bản đồ số 27, diện tích 1.820 m²; thửa đất số 245, tờ bản đồ số 28, diện tích 530m² đều tại thôn A2, xã B1, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi là chưa đảm bảo đầy đủ thủ tục theo quy định. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản án dân sự thẩm số 36/2018/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 34, Điều 92, khoản 2 Điều 147, Điều 157, 165, 200, 201, 238, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 611, Điều 612, 616, 618, 620, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 98, 99, 100 Luật đất đai năm 2013; Điều 25 của Pháp lệnh thừa kế năm 1990; Điều 1, mục IV tại Quyết định số 201-CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng

Chính Phủ; khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 12, 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Khoản 5 Điều 24 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ.

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Đ1, cụ Nguyễn Thị T4 và yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị A, ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Ánh D.

Tuyên xử:

1. Xác định những người thừa kế di sản của cụ Nguyễn Đ1 và cụ Nguyễn Thị T4 gồm có: Ông Nguyễn Văn T5 (con Nguyễn Thị Bích L1, con Nguyễn Thị Kim L2, con Nguyễn Tiến P2), ông Nguyễn A1 (Vợ là Nguyễn Thị H, con Nguyễn Thị T2, con Nguyễn Minh T1, con Nguyễn Tấn Đ), bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị A, ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị Đ2, ông Nguyễn Ánh D.

2. Xác định di sản thừa kế của cụ Nguyễn Đ1 và cụ Nguyễn Thị T4 được giải quyết phân chia thừa kế trong vụ án này gồm có:

Hai thửa đất số 19, tờ bản đồ số 27 đo vẽ năm 2001; Thửa số 245, tờ bản đồ số 28 đo vẽ năm 2001; Thửa đất C, Gò N, Gò K, C1 (nay là $\frac{1}{2}$ thửa đất số 44, tờ bản đồ số 73 đo vẽ năm 2007) tại thôn A2, xã B1, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Đ1 và cụ Nguyễn Thị T4 tại hai thửa đất số 19, tờ bản đồ số 27 đo vẽ năm 2001; Thửa số 245, tờ bản đồ số 28 đo vẽ năm 2001; Thửa đất C, Gò N, Gò K, C1 (nay là $\frac{1}{2}$ thửa đất số 44, tờ bản đồ số 73 đo vẽ năm 2007) tại thôn A2, xã B1, huyện Quảng Ngãi. Cụ thể như sau:

- Chia, giao cho ông Nguyễn Ánh D 71,375 m² đất ở và 402,125 m² đất trồng cây hàng năm khác, tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 27 (bản đồ đo vẽ năm 2001), xã B1, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; phần đất ông D được nhận có ký hiệu là A trong sơ đồ phân chia thửa đất.

- Chia, giao cho bà Nguyễn Thị N 71,375 m² đất ở và 402,125 m² đất trồng cây hàng năm khác, tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 27 (bản đồ đo vẽ năm 2001), xã B1, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; phần đất bà N được nhận có ký hiệu là B trong sơ đồ phân chia thửa đất.

- Chia, giao cho ông Nguyễn Văn P 71,375 m² đất ở và 402,125 m² đất trồng cây hàng năm khác, tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 27 (bản đồ đo vẽ năm

2001), xã B1, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; phần đất ông P được nhận có ký hiệu là C trong sơ đồ phân chia thửa đất.

- Chia, giao cho bà Nguyễn Thị A 71,375 m² đất ở và 402,125 m² đất trồng cây hàng năm khác, tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 27 (bản đồ đo vẽ năm 2001), xã B1, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi; phần đất bà A được nhận có ký hiệu là D trong sơ đồ phân chia thửa đất.

- Chia, giao cho ông Nguyễn A1 (bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Minh T1, chị Nguyễn Thị T2 nhận) 114,5 đất ở và 643,3 m² đất trồng cây hàng năm khác, tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 27 (bản đồ đo vẽ năm 2001), xã B1, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; phần đất ông A1 được chia (bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Minh T1, chị Nguyễn Thị T2 nhận) có ký hiệu là Đ, trong sơ đồ phân chia thửa đất.

Buộc bà H, anh T1, chị T2 phải chặt, dỡ dọn toàn bộ số cây trên phần đất đã chia thừa kế cho ông D, bà N, bà A, ông P để giao đất cho các Nguyên đơn. Các ông bà D, N, A, P không phải trả giá trị cây trên thửa đất được nhận thừa kế cho bà H, chị T2, anh T1. Trường hợp bà H, anh T1, chị T2 không chịu chặt, dỡ dọn toàn bộ số cây trên phần đất đã chia cho ông D, bà N, bà A, ông P thì các ông bà có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

- Thửa số 245, tờ bản đồ số 28, xã B1 có diện tích thực tế 489,2 m². Chia, giao cho ông Nguyễn A1 (bà H, chị T2, anh T1 nhận) quyền sử dụng thửa đất, bụi tre và giếng đào trên thửa đất giao cho bà H, chị T2, anh T1 được quyền sử dụng, định đoạt. Bà H, chị T2, anh T1 có trách nhiệm thối lại giá trị kỷ phần thừa kế cho bà N, bà A, ông P, ông D mỗi người 24.252.090 đồng.

- Thửa đất C, Gò N, Gò K, C1, diện tích thực tế đo đạc là 1.954,2 m² (nay là 1/2 thửa đất số 44, tờ bản đồ số 73 đo vẽ năm 2007) tại xóm B2, thôn A2, xã B1, chia, giao cho ông Nguyễn A1 (bà H, chị T2, anh T1 nhận) quyền sử dụng thửa đất. Bà H, chị T2, anh T1 có trách nhiệm trả chớ bà N, bà A, ông P, ông D mỗi người 41.873.571 đồng.

Phần diện tích đất di sản được chia, giao, nhận của các đồng thừa kế có sơ đồ kèm theo và là một bộ phận không tách rời bản án. Bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị A, ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Văn Dương, bà Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị T2, anh Nguyễn Minh T1 được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất được chia, nhận theo quy định của pháp luật. P942079

4. Hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P942078, số vào sổ 00924/QSĐĐ1303/2000/QĐ-UB(H) do UBND huyện B cấp ngày 09/12/2000 đối với thửa đất số 245, tờ bản đồ số 28, diện tích 530m² tại xóm N1, thôn A2, xã B1, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P942610, số vào sổ 00812/QSĐĐ1303/2000/QĐ-UB(H) do UBND huyện B cấp ngày 09/12/2000 đối với thửa đất số 19, tờ bản đồ số 27, diện tích 1.820 m² tại xóm B2, thôn A2, xã B1, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O942079, số vào sổ 00923/QSĐĐ1303/2000/QĐ-UB(H) do UBND huyện B cấp ngày 09/12/2000 đối với thửa đất số 19, tờ bản đồ số 27, diện tích 480m² tại xóm B2, thôn A2, xã B1, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/12/2018 bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Minh T1 và chị Nguyễn Thị T2 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm số 36/2018/DS-ST ngày 21/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi; với lý do:

- Thửa đất số 19, tờ bản đồ số 27, diện tích 2.652,8m² là đất do ông Nguyễn A1 khai hoang và kê khai, đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg, được UBND huyện B cấp Giấy CNQSDĐ ngày 09/12/2000 và 1/2 thửa đất số 44, tờ bản đồ số 73, diện tích 1.954,1m², nhà nước đã giao cho ông Nguyễn A1 sử dụng, nhưng án sơ thẩm cho rằng đây là di sản thừa kế là không đúng;

- Đối với diện tích đất đã cấp cho bà Nguyễn Thị Đ2: 730m²; bà Nguyễn Thị N: 1.120m² và ông Nguyễn Ánh D: 1.100m², tại thôn A2, xã B1, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi không đưa vào chia thừa kế là không đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải vụ án của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

- Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Đỗ Xuân Kiêm; Tuy nhiên việc án sơ thẩm hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P942078, số vào sổ 00924/QSĐĐ1303/2000/QĐ-UB(H) do UBND huyện B cấp ngày 09/12/2000 đối với thửa đất số 245, tờ bản đồ số 28, diện tích 530m² tại xóm N1, thôn A2, xã B1, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi là không cần thiết, vì diện tích đất này vẫn giao cho ông A1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Minh T1 và chị Nguyễn Thị T2 nhận thấy:

[1.1] Đối với hai thửa đất số 19, tờ bản đồ số 27, diện tích 2.652,8m², tại thôn A2, xã B1, huyện B thấy rằng: Trong các Đơn đăng ký quyền sử dụng đất, ông Nguyễn A1 đều kê khai nguồn gốc sử dụng “Vườn ông bà để lại” hoặc “vườn xưa”. Đồng thời trong khu đất này khi các em của ông A1 kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất, ông A1 đã xác nhận; cụ thể: khi bà Nguyễn Thị Đ2 kê khai, ông A1 xác nhận “Nay chứng nhận cho em tôi là Nguyễn Thị Đ2 chịu trách nhiệm kê khai mảnh vườn của cha tôi để lại” (BL 50); Giấy cho đất lập ngày 29/02/1998, ông A1 viết “Cha tôi tên là Nguyễn Đ1 ở thôn A2 có đám vườn nhà tên gọi là vườn giếng đá, lúc còn sống cha tôi hứa cho em tôi là Nguyễn Ánh D 842m² để làm nhà ở...,tôi giao phần đất nói trên để em tôi làm nhà và trọn quyền sử dụng” (BL 383); khi bà Nguyễn Thị N là em ông A1 cũng kê khai 1.120m², cũng ghi nhận nguồn gốc sử dụng “vườn ông bà để lại”, cả 03 người đều được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mặt khác tại Quyết định giám đốc thẩm số 933/2011/DS-GĐT ngày 21/12/2011 của Tòa dân sự Tòa án nhân dân tối cao đã xác định “Đối với thửa đất xóm B2 ông A1 và ông P quản lý một phần là 2.879m². Ông A1 được cấp giấy chứng nhận năm 2000 diện tích 2.300m² trên có căn nhà diện tích 76,8m² xây năm 1976, căn nhà này xây dựng khi cụ Đ1 còn sống và sau khi xây cụ Đ1 sống cùng các con tại đây nên Tòa án cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm xác định nhà do cụ Đ1 xây dựng là có cơ sở. Trên đất này còn có các nguyên đơn (Bà N, bà Đ2, ông D) và ông A1, ông P cùng quản lý..., nhưng Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xác định phần đất ông A1, ông P quản lý là di sản là không hợp lý” (BL 10). Như vậy việc anh Nguyễn Minh T1 cho rằng diện tích đất này do ông A1 khai hoang là không có cơ sở; Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xác định hai thửa đất số 19, tờ bản đồ số 27, diện tích 2.652,8m² tại thôn A2, xã B1, huyện B là di sản của cụ Đ1 và cụ T4 là có căn cứ.

[1.2] Đối với thửa đất C, Gò N, Gò K, C1 tại thôn A2, xã B1, huyện B có diện tích 2.009 m² (Nay là 1/2 thửa đất số 44, tờ bản đồ số 73 đo vẽ năm 2007), tại xóm B2, thôn A2, xã B1, huyện B thấy rằng: Anh T1 cho rằng diện tích đất này là do ông A1 khai hoang, nhưng ông Nguyễn Đ3 là con cụ Nguyễn N2 (cụ N2 là anh ruột cụ Đ1) xác nhận thửa đất này là của kỵ nội Nguyễn N3 và Tiêu Thị N4 (cha mẹ cụ Đ1) để lại theo Phân thư lập ngày 03/12/1951. Ông Đ3 cũng

xác nhận “Năm 2002 nhà nước thu hồi phần đất phía dưới đuôi đám đất C, bồi thường cho tôi nhận 1.300.000 đồng phần đất của chú Nguyễn Đ1. Lý do tôi nhận vì thửa đất này khi nhà nước đo vẽ bản đồ năm nào tôi không biết, đã nhập đám đất C của cha tôi (Nguyễn N2) đã cho tôi vào chung đám đất C của chú Nguyễn Đ1. Sau khi nhận tiền tôi đã đưa lại cho con chú tôi là em Nguyễn Thị A, sau đó tôi nghe là các em con chú Đ1 đã thêm tiền vào sửa lại mộ cho chú Đ1 và thím Nguyễn T4, vì lúc này thửa đất của chú Đ1 là do em Đ, em A sử dụng” (BL 522). Mặt khác tại Quyết định giám đốc thẩm số 933/2011/DS-GĐT ngày 21/12/2011 của Tòa dân sự Tòa án nhân dân tối cao cũng đã xác định “Đất của cụ Đ1, cụ T4 để lại gồm: một thửa đất vườn 2.300m² trên có căn nhà cụ Đ1 xây năm 1976 thuộc xóm B2, một thửa đất vườn xóm N1 diện tích 482m² và một đất C, xứ Gò N diện tích 2.009m², toàn bộ đất trên do ông A1 và ông P quản lý” (BL 10). Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất C, Gò N, Gò K, C1 có diện tích 2.009 m² (Nay là 1/2 thửa đất số 44, tờ bản đồ số 73 đo vẽ năm 2007), tại thôn A2, xã B1, huyện B là di sản của cụ Đ1 và cụ T4 là có căn cứ.

[1.3] Đối với diện tích đất đã cấp cho bà Nguyễn Thị Đ2: 730m²; bà Nguyễn Thị N: 1.120m² và ông Nguyễn Ánh D: 1.100m², tại thôn A2, xã B1; Trong quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn đều không có yêu cầu chia thừa kế; đồng thời tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn khẳng định không yêu cầu trong vụ án này, trường hợp tòa chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của các nguyên đơn thì bị đơn sẽ khởi kiện vụ kiện dân sự khác, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi không đưa vào chia thừa kế các diện tích đất này là đúng.

[1.4] Đối với việc Tòa án cấp sơ thẩm hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P942078, số vào sổ 00924/QSDĐ1303/2000/QĐ-UB(H) do UBND huyện B cấp ngày 09/12/2000 đối với thửa đất số 245, tờ bản đồ số 28, diện tích 530m² tại xóm N1, thôn A2, xã B1, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Xét thấy nội dung này không có kháng cáo, kháng nghị, nên không thuộc thẩm quyền xem xét của cấp phúc thẩm.

Từ phân tích trên, hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Minh T1 và chị Nguyễn Thị T2, nên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Minh T1 và chị Nguyễn Thị T2 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[3] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Minh T1 và chị Nguyễn Thị T2; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 611, Điều 612, 616, 618, 620, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 98, 99, 100 Luật đất đai năm 2013; Điều 25 của Pháp lệnh thừa kế năm 1990; khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 12, 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Đ1, cụ Nguyễn Thị T4 và yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị A, ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Ánh D.

Tuyên xử:

1. Xác định những người thừa kế di sản của cụ Nguyễn Đ1 và cụ Nguyễn Thị T4 gồm có: Ông Nguyễn Văn T5 (con Nguyễn Thị Bích L1, con Nguyễn Thị Kim L2, con Nguyễn Tiến P2), ông Nguyễn A1 (Vợ là Nguyễn Thị H, con Nguyễn Thị T2, con Nguyễn Minh T1, con Nguyễn Tấn Đ), bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị A, ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị Đ2, ông Nguyễn Ánh D.

2. Xác định di sản thừa kế của cụ Nguyễn Đ1 và cụ Nguyễn Thị T4 được giải quyết phân chia thừa kế trong vụ án này gồm có:

Hai thửa đất số 19, tờ bản đồ số 27 đo vẽ năm 2001; Thửa số 245, tờ bản đồ số 28 đo vẽ năm 2001; Thửa đất C, Gò N, Gò K, C1 (nay là ½ thửa đất số 44, tờ bản đồ số 73 đo vẽ năm 2007) tại thôn A2, xã B1, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Đ1 và cụ Nguyễn Thị T4 tại hai thửa đất số 19, tờ bản đồ số 27 đo vẽ năm 2001; Thửa số 245, tờ bản đồ số 28 đo vẽ năm 2001; Thửa đất C, Gò N, Gò K, C1 (nay là 1/2 thửa đất số 44, tờ bản đồ số 73 đo vẽ năm 2007) tại thôn A2, xã B1, huyện Quảng Ngãi. Cụ thể như sau:

- Chia, giao cho ông Nguyễn Ánh D 71,375 m² đất ở và 402,125 m² đất trồng cây hàng năm khác, tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 27 (bản đồ đo vẽ năm

2001), xã B1, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; phần đất ông D được nhận có ký hiệu là A trong sơ đồ phân chia thửa đất.

- Chia, giao cho bà Nguyễn Thị N 71,375 m² đất ở và 402,125 m² đất trồng cây hàng năm khác, tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 27 (bản đồ đo vẽ năm 2001), xã B1, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; phần đất bà N được nhận có ký hiệu là B trong sơ đồ phân chia thửa đất.

- Chia, giao cho ông Nguyễn Văn P 71,375 m² đất ở và 402,125 m² đất trồng cây hàng năm khác, tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 27 (bản đồ đo vẽ năm 2001), xã B1, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; phần đất ông P được nhận có ký hiệu là C trong sơ đồ phân chia thửa đất.

- Chia, giao cho bà Nguyễn Thị A 71,375 m² đất ở và 402,125 m² đất trồng cây hàng năm khác, tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 27 (bản đồ đo vẽ năm 2001), xã B1, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; phần đất bà A được nhận có ký hiệu là D trong sơ đồ phân chia thửa đất.

- Chia, giao cho ông Nguyễn A1 (bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Minh T1, chị Nguyễn Thị T2 nhận) 114,5 đất ở và 643,3 m² đất trồng cây hàng năm khác, tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 27 (bản đồ đo vẽ năm 2001), xã B1, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; phần đất ông A1 được chia (bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Minh T1, chị Nguyễn Thị T2 nhận) có ký hiệu là Đ, trong sơ đồ phân chia thửa đất.

Buộc bà H, anh T1, chị T2 phải chặt, dỡ dọn toàn bộ số cây trên phần đất đã chia thừa kế cho ông D, bà N, bà A, ông P để giao đất cho các Nguyên đơn. Các ông bà D, N, A, P không phải trả giá trị cây trên thửa đất được nhận thừa kế cho bà H, chị T2, anh T1. Trường hợp bà H, anh T1, chị T2 không chịu chặt, dỡ dọn toàn bộ số cây trên phần đất đã chia cho ông D, bà N, bà A, ông P thì các ông bà có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

- Thửa số 245, tờ bản đồ số 28, xã B1 có diện tích thực tế 489,2 m². Chia, giao cho ông Nguyễn A1 (bà H, chị T2, anh T1 nhận) quyền sử dụng thửa đất, bụi tre và giếng đào trên thửa đất giao cho bà H, chị T2, anh T1 được quyền sử dụng, định đoạt. Bà H, chị T2, anh T1 có trách nhiệm thối lại giá trị kỷ phần thừa kế cho bà N, bà A, ông P, ông D mỗi người 24.252.090 đồng.

- Thửa đất C, Gò N, Gò K, C1, diện tích thực tế đo đạc là 1.954,2 m² (nay là 1/2 thửa đất số 44, tờ bản đồ số 73 đo vẽ năm 2007) tại xóm B2, thôn A2, xã B1, chia, giao cho ông Nguyễn A1 (bà H, chị T2, anh T1 nhận) quyền sử dụng thửa đất. Bà H, chị T2, anh T1 có trách nhiệm trả cho bà N, bà A, ông P, ông D mỗi người 41.873.571 đồng.

Phần diện tích đất di sản được chia, giao, nhận của các đồng thừa kế có sơ đồ kèm theo và là một bộ phận không tách rời bản án. Bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị A, ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị T2, anh Nguyễn Minh T1 được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất được chia, nhận theo quy định của pháp luật. P942079

4. Hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P942078, số vào sổ 00924/QSDĐ1303/2000/QĐ-UB(H) do UBND huyện B cấp ngày 09/12/2000 đối với thửa đất số 245, tờ bản đồ số 28, diện tích 530m² tại xóm N1, thôn A2, xã B1, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P942610, số vào sổ 00812/QSDĐ1303/2000/QĐ-UB(H) do UBND huyện B cấp ngày 09/12/2000 đối với thửa đất số 19, tờ bản đồ số 27, diện tích 1.820 m² tại xóm B2, thôn A2, xã B1, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P942079, số vào sổ 00923/QSDĐ1303/2000/QĐ-UB(H) do UBND huyện B cấp ngày 09/12/2000 đối với thửa đất số 19, tờ bản đồ số 27, diện tích 480m² tại xóm B2, thôn A2, xã B1, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Minh T1 và chị Nguyễn Thị T2 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; Được khấu trừ 300.000 đồng đã nộp đủ tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004239, ngày 11/12/2018 của Cục thi hành án tỉnh Quảng Ngãi (Đã nộp đủ).

6. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 36/2018/DS-ST ngày 21/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Tào

